| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CỦ CHI**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 211/2019/HS-ST
Ngày: 27/11/2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Duy Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Phạm Thị Ngọc;
- Bà Nguyễn Phước Trinh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 187/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Quốc T, sinh ngày 04 tháng 5 năm 1993 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký HKTT: ấp A, phường B, thành phố C, tỉnh An Giang, nơi cư trú: không nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quốc V và bà Trần Thị H; bị cáo có vợ và 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 10/4/2019 cho đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Vũ Thanh T1, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1991 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký HKTT: 20/48 Nguyễn Văn Kiến, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Ngọc T và bà Văn Thị Đ; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 10/4/2019 cho đến nay (có mặt).

Người bị hại:

1/ Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Thường trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: ấp 5, xã M, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau*:*

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 02/4/2019, Vũ Thanh T1 điều khiển xe máy gắn biển số giả 37Z1-1027 chở Trần Quốc T từ huyện H đến huyện P để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến trước nhà không số, đường số 171, ấp 5, xã M, huyện P, các đối tượng phát hiện xe gắn máy hiệu Honda AirBlade mang biển số 17B5-176.54 của ông Nguyễn Hữu H dựng trước nhà không người trông giữ.

T1 đứng ngoài canh giữ để T đi vào trực tiếp dùng đoản bẻ khóa, lấy trộm xe máy trên của ông H rồi cùng nhau tẩu thoát về huyện H. Sau đó, cả hai đem xe máy vừa trộm đến gửi tại bãi xe "chú Ba" do ông Nguyễn Văn Văn H làm chủ tại ấp Đ, xã B, huyện H. Do xe của ông H có gắn định vị nên ông H biết được vị trí xe của mình nên đã báo Công an xã M, huyện P phối hợp với Công an xã B, huyện H đến thu hồi chiếc xe trả lại cho ông H.

Đến ngày 08/4/2019, T và T1 tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tại ấp K, xã N, huyện H thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H phát hiện, khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam T và T1.

Tại Bản kết luận định giá số 130/KL-HĐĐGTS ngày 24/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 17.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 xe máy gắn biển số giả 37Z1-1072 là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, cơ quan điều tra Công an quận 12 đang tạm giữ để xử lý và 01 cây đoản bằng thép đã mài dẹp cơ quan điều tra Công an huyện H đang tạm giữ để xử lý.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại Bản cáo trạng số 169/CT-VKS ngày 14 tháng 10 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị can Trần Quốc T và Vũ Thanh T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như trên, đồng thời tỏ ra ăn năn hối cải.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra người bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm, được bồi thường thiệt hại về tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm

2017 xử phạt bị cáo Trần Quốc T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Vũ Thanh T1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về dân sự: không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định.

Bị cáo Trần Quốc T nói lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối hận và biết lỗi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình.

Bị cáo Vũ Thanh T1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối hận và biết lỗi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm hòa nhập cộng đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét người bị hại vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Các bị cáo Trần Quốc T, Vũ Thanh T1 có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là chiếc xe máy hiệu Honda AirBalde, biển số 17B5-176.54, màu đỏ đen, số máy JF46E6042843, số khung 4611EZ117518 của ông Nguyễn Hữu H trị giá 17.000.000 đồng theo Kết luận định giá số 130/KL-HĐĐGTS ngày 24/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, với phương thức lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo chẳng những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại mà còn gây mất trật tự an T xã hội, gây ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là sai

trái, phạm pháp, thế nhưng các bị cáo vẫn ngang nhiên đi đến hành động phạm tội nhằm thoả mãn động cơ tư lợi riêng của cá nhân của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc là cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về hình phạt là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét trong vụ án này, các bị cáo có sự bàn bạc, phân công nhưng không chặt chẽ, người cảnh báo, người trực tiếp vào lấy tài sản nên các bị cáo cần bị áp dụng mức hình phạt như nhau là phù hợp, công bằng.

Xét các bị cáo đang chấp hành bản án số 144/2019/HSST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định thi hành án số 332/2019/QĐ-CA, 333/2019/QĐ-CA ngày 01/11/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều: 55, 56 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cần tổng hợp hình phạt cho các bị cáo là phù hợp với quy định.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận giải quyết xong, không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: 01 xe máy gắn biển số giả 37Z1-1072 là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, cơ quan điều tra Công an quận 12 đang tạm giữ để xử lý và 01 cây đoản bằng thép đã mài dẹp cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn đang tạm giữ để xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Quốc T và Vũ Thanh T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 02 (hai) năm tù; tổng hợp hình phạt với Bản án số 144/2019/HSST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã xử phạt bị

cáo T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hình phạt mà bị cáo T phải chịu là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2019.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Vũ Thanh T1 02 (hai) năm tù; tổng hợp hình phạt với Bản án số 144/2019/HSST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã xử phạt bị cáo T1 02 (hai) năm tù. Tổng hình phạt mà bị cáo T1 phải chịu là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2019.

- Áp dụng Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự sơ thẩm: buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

***Nơi nhận***:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Duy Trung**